

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; nhiệm vụ khảo sát
và dự toán chuẩn bị đầu tư bước lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh
Diện đến đường Đoàn Kết), phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư: 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 795/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn kết), phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn;

Xét Tờ trình số: 32/TTr-BQLDA ngày 18/3/2015 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; nhiệm vụ khảo sát và chi phí chuẩn bị đầu tư lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Cải tạo nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn kết), phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn kèm theo hồ sơ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và nhiệm vụ khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Cải tạo nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn kết), phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn với các nội dung chính sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên công trình: Cải tạo nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn kết), phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn;

2. Cấp công trình: Công trình cấp 4;

3. Địa điểm xây dựng: phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn;

Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn;

5. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn kết), phường Ngọc Trạo giải quyết tình trạng ngập úng của khu vực, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị trên địa bàn Thị xã Bỉm Sơn, đưa thị xã trở thành đô thị loại 3 và từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông khu vực, cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

6. Quy mô công trình:

Nâng cấp mở rộng mặt đường từ 3,5m lên 7,5m, đầu tư điện chiếu sáng công cộng, chiều dài tuyến đường khoảng 385m;

Huy động nhân dân thực hiện đầu tư vỉa hè, bó vỉa dọc đường với chiều rộng: 3,0m (tại những vị trí ảnh hưởng đến đất ở và công trình nhà ở kiên cố cho phép thu hẹp chiều rộng vỉa hè); đầu tư mương thoát nước xây gạch tiết diện nghiêng cứu đảm bảo thoát nước khu vực.

II. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ LẬP BÁO CÁO KTKT:

1. Các yêu cầu giải pháp không gian, kiến trúc:

- Yêu cầu bố trí không gian trên tuyến: Bố trí hệ thống mương thoát nước. bó vỉa, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng phải hài hòa đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Bó vỉa dùng loại bó vỉa đường đô thị dành cho xe có thể vượt qua.

2. Các yêu cầu kỹ thuật:

2.1. Thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;
- Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của các hạng mục;
- Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng:
 - + Kết cấu mặt đường: Mặt đường láng nhựa dày 3,5cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m², móng cấp phối đá dăm. Nền đường sử lý đất đầm chặt $K \geq 0,95$.
 - + Kết cấu vỉa hè: Lát gạch block tự chèn dày 5,5cm, có lót vữa đệm dày 2cm;
 - + Rãnh thoát nước dọc: Xây gạch, tấm đan BTCT. Vị trí qua đường dùng rãnh và tấm đan chịu lực.
 - + Hồ trồng cây: Xây gạch và trát VXM;

+ Điện chiếu sáng: Sử dụng đèn cao áp, thiết kế theo tiêu chuẩn đường loại III và IV.

- Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

2.2. Các nội dung khác:

- Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Yêu cầu trong báo cáo kinh tế kỹ thuật phải lập quy trình bảo trì công trình;

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, trừ trường hợp nhà thầu thiết kế là cá nhân hành nghề độc lập.

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ thiết kế theo khuôn khổ thống nhất có danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

- Các nội dung khác có liên quan.

III. NHIỆM VỤ KHẢO SÁT:

1. Mục đích khảo sát:

- Cung cấp tài liệu khảo sát địa hình, công trình, thủy văn tại khu vực xây dựng công trình

- Làm cơ sở giúp nhà tư vấn thiết kế lựa chọn các giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện tự nhiên tại khu vực đảm bảo kinh tế, kỹ thuật.

- Thu thập những tài liệu nhằm xác định chính xác về khối lượng và tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

2. Yêu cầu nội dung khảo sát:

- Về địa hình: Yêu cầu khảo sát bình đồ tuyến tỷ lệ 1/500, trên bình đồ thể hiện đầy đủ địa hình địa vật như: nhà cửa, cầu cống, mương thoát nước, cột điện, các công trình ngầm như: cấp nước, thông tin... Hệ tọa độ đo vẽ dùng tọa độ quốc gia VN2000;

Khảo sát các nút giao yêu cầu: Xác định vị trí, hướng rẽ, góc giao, chiều rộng nền, mặt đường, kết cấu mặt. Thống kê thành bảng các vị trí giao cắt với đường dân sinh.

Yêu cầu đo vẽ mặt cắt dọc, cắt ngang theo quy định (tỷ lệ tối thiểu là 1/200); Tại những vị trí địa hình thay đổi lớn phải thể hiện được sự thay đổi đó;

- Về khảo sát địa chất công trình: Không khảo sát địa chất công trình;

3. Phạm vi khảo sát xây dựng:

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu dự án khoảng 1,54ha;
- + Điểm đầu: Km0+00 giao với đường Tô Vĩnh Diện;
- + Điểm cuối: Km0+385 giao với đường Đoàn Kết;

4. Phương pháp khảo sát xây dựng và các tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng:

4.1. Phương pháp khảo sát:

a. Thu thập tài liệu

Điều tra, thu thập, khai thác, đánh giá các tài liệu, số liệu như: số liệu tọa độ, độ cao Nhà nước và các tài liệu bản đồ có liên quan để lập phương án khảo sát, đồng thời nghiên cứu và đánh giá kỹ về địa hình nhằm làm giảm kinh phí khảo sát đến mức tối đa cũng như xây dựng phương án thiết kế lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao phù hợp, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho công tác thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 và các công tác khác như: định vị công trình, thi công công trình, thành lập bản đồ tỷ lệ lớn, thực hiện và quản lý quy hoạch.

b. Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao

- Xây dựng lưới khống chế mặt bằng hạng IV thực hiện bằng công nghệ GPS. Quy cách mốc theo 22TCN 263-2000.

- Lưới độ cao hạng IV thực hiện bằng phương pháp đo cao hình học bằng máy thủy bình NI-007 hoặc máy co độ chính xác tương đương (áp dụng quy phạm đo cao hạng I, II, III và IV của Cục bản đồ.

- Xử lý số liệu bằng các phần mềm hỗ trợ.

c. Đo vẽ chi tiết và nội dung bình đồ:

- Diện tích khảo sát thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 khoảng 1,54ha.

- Bản đồ phải thể hiện đầy đủ các yếu tố như: Điểm khống chế trắc địa, điểm dân cư, địa vật kinh tế xã hội, đường giao thông hiện tại và các thiết bị phụ thuộc, thủy hệ và các công trình phụ thuộc, dáng đất, chất đất, hệ thực vật, địa danh và các ghi chú khác.

d. Đo mặt cắt dọc:

Các điểm đo chi tiết thể hiện được sự thay đổi địa hình, địa vật của công trình; khoảng cách các điểm đo phải tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy phạm; đối với địa hình đặc biệt hoặc có sự thay đổi đột ngột thì đo theo địa hình đó không phân biệt khoảng cách và phải phản ánh được chiều dài tuyến công trình, khoảng cách và vị trí các mặt cắt ngang, các đặc điểm chính của công trình vv...

Đo mặt cắt dọc theo chiều dài tuyến công trình, tỷ lệ đứng 1/200, tỷ lệ ngang 1/200.

g. Đo mặt cắt ngang:

Khoảng cách các điểm đo chi tiết không được vượt quá 20m/1điểm; với địa hình đặc biệt khoảng cách các điểm đo có thể ngắn hơn. Đối với địa hình đặc biệt hoặc có sự thay đổi đột ngột thì đo theo địa hình đó không phân biệt khoảng cách. Các điểm đo chi tiết thể hiện được sự thay đổi địa hình, địa vật và các đặc điểm chính của công trình. Trên trắc ngang phải thể hiện rõ địa hình, địa vật, hai mép nhựa và các mép lề đất, hai chân taluy và các công trình hiện trạng (nếu có);

Đặt máy tại các cọc đo được xác định trên tuyến tiến hành đo các mặt cắt ngang tuyến: Chú ý hướng đo của các mặt cắt phải vuông góc với công trình cần khảo sát, thiết kế.

Tỷ lệ bản vẽ: 1/200. Khối lượng dự kiến: $(385/20+1)*2*20=840m$.

4.2. Các tiêu chuẩn áp dụng:

- TCXD 4419: 1987. Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.
- TCXD 205: 1998. Yêu cầu đối với khảo sát.
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong Trắc địa công trình;
- Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43-90. Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000; (Phần ngoài trời) do Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) xuất bản năm 1990;
- Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 42-90. Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500-1/25.000 (Phần trong nhà) do Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) xuất bản năm 1990;
- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 do Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) xuất bản năm 1995;
- Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/06/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ toạ độ Quốc gia VN-2000;
- Các tài liệu, quy trình hiện hành khác.

5. Khối lượng các loại công tác khảo sát dự kiến:

- Khảo sát đo vẽ thành lập BĐĐH tỷ lệ 1/500 : 1,54 ha;
- Đo vẽ trắc dọc: 385m;
- Đo vẽ trắc ngang: Trung bình 20m/1 cọc, khối lượng dự kiến là: 840m.

6. Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

IV. DỰ TOÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN:

1. Dự toán chuẩn bị đầu tư duyệt: 85.586.315,0 đồng

(Tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm mười lăm đồng)

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát, lập BCKTKT: 69.109.309,0 đồng;

- + Chi phí thẩm tra TK, dự toán: 3.853.963,0 đồng;
- + Chi phí thẩm định giá thiết bị: 4.298.100,0 đồng;
- + Chi phí thẩm định BCKTKT: 544.369,0 đồng;
- + Chi phí dự phòng: 7.780.574,0 đồng;

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: Ngân sách Thị xã và các huy động hợp pháp khác

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn, và thủ trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: QLĐT, VT./.

CHỦ TỊCH

Bùi Huy Hùng